

21. Nussbaum, M. C. (1997). Kant and cosmopolitanism. In: Bohman, J., & Lutz-Bachmann, B., *Perpetual peace. Essays on Kant's cosmopolitan ideal*. Cambridge, Mass., London: MIT Press, 25-57.
22. Nussbaum, M. C. (2001). *The fragility of goodness. Luck ethics in Greek tragedy and philosophy*. Cambridge, London, New York: Cambridge University Press.
23. Schacter, D. L. (1987). *Implicit memory: history and current status*. *Journal of Experimental Psychology*, 13/3, 501-518.
24. Schutz, A., & Luckmann, T. (1973). *The structures of the life-world*, volume I. Evanston, Illinois: Northwestern University Press.
25. Schutz, A., & Luckmann, T. (1983). *The structures of the life-world*, volume II. Evanston, Illinois: Northwestern University Press.
26. Smith, Anthony D. (1991): *National identity*. Reno, Las Vegas: University of Nevada Press.
27. Snyder, T. (2010): *Bloodlands. Europe between Hitler and Stalin*. - Philadelphia, PA: Basic Books.
28. Voss, J. L., & Paller, K.A. (2008). Brain substrates of implicit and explicit memory: The importance of concurrently acquired neural signals of both memory types. *Neuropsychologia*, 46, 13, 3021-3029.
29. White, H. (1973). *Metahistory. The historical imagination in nineteenth-century Europe*. Baltimore, London: The John Hopkins University Press.
30. Wodak, R.; de Cillia, R.; Reisigl, M.; Liebhart, K. (2009). *The discursive construction of national identity*, 2nd edition (first English 1999). Edinburgh: University Press.
31. Zick, A., Wolf, C.; Küpper, B.; Davidov, E.; Schmidt, P.; Heitmeyer, W. (2008). The syndrome of group-focused enmity: The interrelation of prejudices tested with multiple cross-sectional and panel data. In: *Journal of Social Issues*, 64/2, 363-383.

TRUYỀN THÔNG VÀ SỰ ĐỊNH HÌNH KÝ ỨC TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA: QUAN ĐIỂM XUYÊN QUỐC GIA VỀ LỊCH SỬ Ở CHÂU ÂU

GS, TS Juergen Grimm*

Khi định nghĩa cái gì làm nên “một quốc gia”, Anthony Smith liệt kê ra những tính năng cấu thành sau: “Dân số người được đặt tên cùng chia sẻ một lãnh thổ lịch sử, sự kỳ bí, những ký ức lịch sử, một nền văn hóa công cộng, một nền kinh tế chung, cũng như những quyền lợi và trách nhiệm pháp lý chung cho tất cả các thành viên” (Smith, 1991: 14). Ông nhấn mạnh, nguồn gốc dân tộc và cũng theo Anderson (1983-2006) - thì những khía cạnh cấu thành nên quốc gia gắn liền với lịch sử theo ba cách: qua những truyền thống địa phương, qua những câu chuyện về nguồn gốc và qua việc lưu truyền các sự kiện có ý nghĩa trong quá khứ. Nếu không có kỷ niệm, một cộng đồng sẽ không có định hướng cho hiện tại và cũng không thể đưa ra được những khái niệm cho tương lai. Lãnh thổ, nền kinh tế và những hệ thống chính trị là “phần cứng”, nền văn hóa công cộng - được hình thành và truyền đạt qua truyền thông - là “phần mềm” của bản sắc dân tộc. Toàn cầu hóa nền kinh tế (Castells, 2000-2001) và toàn cầu hóa dòng chảy thông tin trong báo chí, truyền hình và đặc biệt mạnh mẽ nhất trong môi trường Internet ngày càng tạo điều kiện cho việc giải thích lịch sử. Đó cũng là thách thức cho tất cả các quốc gia, vừa coi đó là một nguồn lực làm giàu, nhưng cũng lại vừa là một yếu tố làm ảnh hưởng tới sự ổn định quốc gia.

* Đại học Tổng hợp Viên.

Lịch sử và bản sắc dân tộc - Ví dụ châu Âu

Thông thường, việc chép sử phải dựa vào những ghi chép quốc gia về sự hình thành nhà nước, những chiến thắng lịch sử, những thành tựu về kinh tế, và những hoạt động chính trị. Lịch sử quốc gia không ít thì nhiều như là một câu chuyện về những sự kiện thành công. Điều này đặc biệt đúng với châu Âu trong giai đoạn hình thành nhà nước - quốc gia trong thế kỷ thứ XIX (White, 1973), Hobsbawm, 1990) khi những tiến bộ về kinh tế, chính trị và văn hóa cho phép người châu Âu một cảm giác tự tin và sức mạnh. Quá trình “thuộc địa hóa” các quốc gia ở châu Phi, châu Mỹ và Viễn Đông trở thành thuộc địa của người Anh, Pháp và Tây Ban Nha trong Thế chiến thứ nhất (1914-1918) là một “hệ quả tự nhiên của cảm giác ưu việt đó”. Từ năm 1918-1938 là thời gian của những cuộc đại khủng hoảng kinh tế, cũng như sự nổi dậy của phong trào phát xít - lúc đó các câu chuyện về sự thành công và tiến bộ mới mờ nhạt đi. Và sau Thế chiến thứ hai, do phát xít Đức gây ra - đỉnh điểm của sự đau thương là nạn tàn sát người Do Thái (khoảng 7 triệu người Do Thái đã bị sát hại), những trại tập trung và hành quyết, trục xuất, thanh lọc sắc tộc, xả súng cũng như những vụ đánh bom đã hướng sự tập trung vào các vấn đề tiêu cực căng thẳng, cho cả những người chiến thắng lẫn bại trận. Điều này ảnh hưởng tới cách thức người châu Âu hiểu thế nào là một quốc gia: đó là một cộng đồng cùng chung hành động cũng như chung sự mất mát (Levy và Sznajder, 2006), điều này cũng thể hiện hành động của một người được coi như là của những người khác. Vì vậy, một số quốc gia ở châu Âu, đặc biệt là các thủ phạm chính trong Thế chiến thứ nhất và thứ hai, Đức, Áo đã phải sửa đổi những câu chuyện quốc gia đầy tính anh hùng của mình theo hướng tự phê bình theo chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa Sôvanh (chủ nghĩa bài ngoại) bị phóng đại. Được hình thành chủ yếu từ nạn diệt chủng người Do Thái của Hítler cũng như nhằm ngăn chặn một nạn diệt chủng tương tự về sau, Israel lại đưa ra một khái niệm về bản sắc dân tộc qua sự kết hợp một nền

văn hóa tập trung vào những kỷ niệm cũng như sức mạnh quân sự chống lại các thế lực thù địch tiềm ẩn ở Trung Đông. Nước Nga cũng là một nạn nhân của Hítler, Nga chịu sự tổn thất nặng nề về mặt con người trong Thế chiến thứ hai, cũng như đóng góp rất lớn vào chiến thắng của Liên minh chống Hítler. Sau chiến thắng, Nga tập trung vào xây dựng một quốc gia vĩ đại, cũng như nâng cao khả năng quốc phòng của mình. Ba cường quốc khác trong Liên minh chống Hítler (Mỹ, Anh, Pháp) sau cuộc chiến chống phát xít, cũng muốn kiềm chế những kẻ xâm lược trong tương lai.

Câu hỏi đặt ra là có hay không, và trong điều kiện nào, thì những bài học lịch sử có thể vừa ổn định bản sắc dân tộc, lại vừa giúp kiểm soát các xung đột một cách hòa bình, cải thiện các điều kiện cho sự cùng tồn tại và hợp tác nhân đạo. Khối Liên minh châu Âu (EU) tuyên bố là một lực lượng gìn giữ hòa bình ở châu Âu. Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, tổ chức này gây tranh cãi bởi sự chia rẽ châu Âu. Sau khi Liên Xô sụp đổ vào năm 1989, cũng như EU được mở rộng, các nhà quan sát có thể tin rằng trong một thời gian ngắn, cánh cửa cho một trật tự gìn giữ hòa bình ở châu Âu bắt đầu được mở ra. Nhưng rồi, cuộc chiến ở Nam Tư cũ vào các năm 1990, cho thấy sự trở lại của chủ nghĩa dân tộc ở châu Âu được trang bị vũ khí. Và cuộc khủng hoảng hiện tại ở Ukraina cho thấy, mối đe dọa sống lại của các tư tưởng thời kỳ Chiến tranh lạnh, cũng như gợi lại những hình ảnh kẻ thù liên quan tới sự hung hăng của phát xít, chống lại loài người. Đáng chú ý, những người biểu tình ở Kiev vào tháng 1 và 2-2014, đã so sánh, mô tả Tổng thống Yanukovich và Putin gắn liền với Hítler. Trong khi đó, Putin lại liên tục nhấn mạnh về sự ảnh hưởng của phát xít trong phong trào “Euromaidan”. Bên cạnh đó, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ - bà Hilary Clinton, so sánh vụ việc ở Crimea của Liên bang Nga với sự bành trướng của phát xít sang Áo và Ba Lan trong Thế chiến thứ hai. Trong khi đó, một số chính trị gia Tây Âu nhìn thấy điểm tương đồng với sự khởi đầu của Thế chiến thứ nhất khi các nhà lãnh đạo trước đây

đã hành động như “mộng du” và “vô tình” gây ra thảm họa lớn đã giết chết ít nhất 15 triệu người (Clark 2012).

Ví dụ trên ở châu Âu chứng minh rằng, việc sử dụng các mô hình giải thích lịch sử không đảm bảo cho việc giữ điều hòa, kiểm soát các xung đột chính trị, đặc biệt khi một sự kiện trong quá khứ lại bị đưa ra khỏi bối cảnh lịch sử và giải thích sự kiện đó hiện tại lại bị ngẫu nhiên, tùy tiện không tính tới yếu tố khác biệt về thời gian cũng như điều kiện hoàn cảnh. Một loạt các quan điểm cũng như lợi ích quốc gia có thể gia cố cho cuộc chiến vì lịch sử. Không nhất thiết cũng như không thể đồng hóa khác biệt giữa các quan niệm lịch sử của các quốc gia, nhưng rõ ràng điều đó hoàn toàn cần thiết để ngăn chặn những hành động tiềm ẩn chống loài người, cũng như tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc chia sẻ các quan điểm giữa mọi người. Rõ ràng, chúng ta cần có một giải pháp để định hình trí nhớ một cách chính xác và truyền đạt lịch sử trong các quốc gia, và trong bối cảnh liên quốc gia. Thách thức ở đây là làm sao để giảm thiểu sự tùy tiện trong hoạt động báo chí cả về chuyên môn nghiệp vụ lẫn về đạo đức nhà báo.

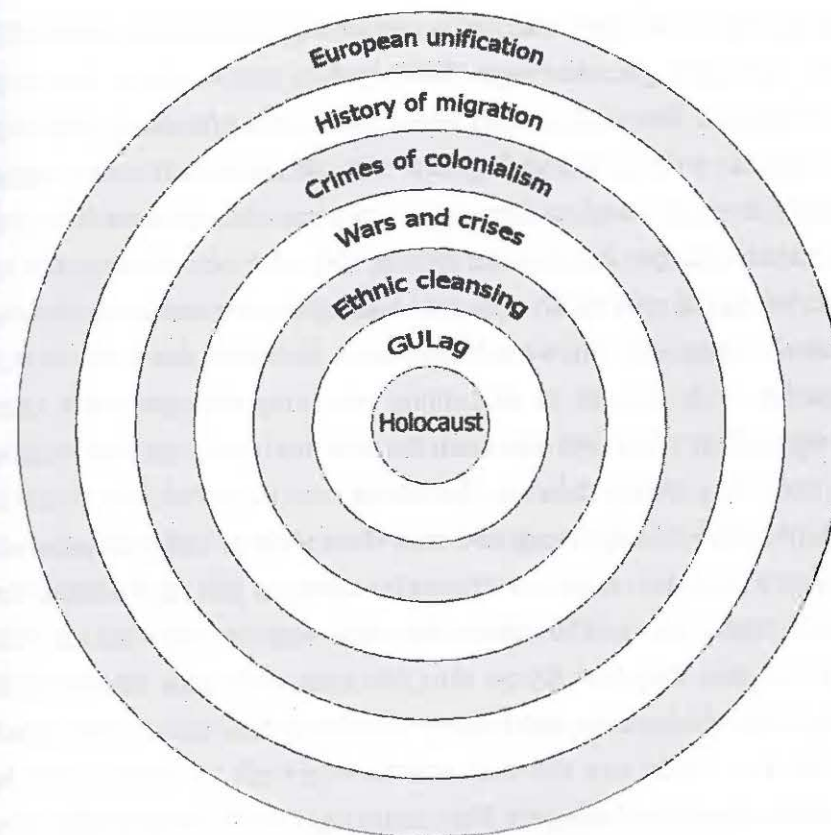
Nỗ lực để gắn kết sự khác biệt trong châu Âu

Trong bối cảnh của việc mở rộng về phía Đông của Liên minh châu Âu (Ba Lan, Rumania, Bulgaria, Lithuania, Estonia, Latvia, v.v.) trong những năm qua, những nỗ lực đã được tăng cường để kết nối các quan điểm quốc gia khác nhau về lịch sử, cũng như để xác định các điều kiện cho các thành viên mới ra nhập Liên minh châu Âu, cũng như cho phép các thành viên cũ tự xem xét lại các quan điểm, cách thức giải thích lịch sử.

Nhà khoa học xã hội Đức - Claus Leggewie, đưa ra khái niệm 7 vòng tròn trong ký ức châu Âu với nạn diệt chủng người Do Thái của Hítler làm trung tâm.

Với:

1. Holocaust: Nạn diệt chủng người Do Thái của Hítler
2. Gulag: Trại lao động của Xôviết



3. Ethnic Cleansing: Thanh lọc sắc tộc
4. Wars and crises: Chiến tranh và khủng hoảng
5. Crimes of colonialism: Tội ác của chủ nghĩa thực dân
6. History of migration: Lịch sử di cư
7. European unification: Thống nhất châu Âu

Có một sự thống nhất cho rằng tội ác diệt chủng người Do Thái Holocaust được cho là tội ác kinh khủng nhất đi ngược lại sự văn minh của nhân loại trong thế kỷ XX và chắc chắn không được phép để xảy ra lần nữa trong tương lai. Tuy vậy, tội ác đó lại được coi là yếu tố tiêu cực, hình thành nên khối liên minh châu Âu, tạo lập ra một nền tảng đạo đức bên cạnh nền tảng về kinh tế. Các thành viên EU cùng cam kết cần phải giữ gìn ký ức về tội ác diệt chủng đó, để gạt bỏ chủ

nghĩa bài Do Thái, cũng như để bảo vệ những nhóm người thiểu số ở bất kỳ một quốc gia nào. Ngạc nhiên là điều này lại được thực hiện khá dễ dàng ở Đức, nơi mà rất nhiều người vẫn còn đang phải chịu trách nhiệm về tội ác diệt chủng này. Việc để tội ác diệt chủng người Do Thái ở vị trí vòng tròn trung tâm không chỉ thể hiện bản chất khủng khiếp của nó, mà còn như một sự nhắc nhở về các vòng tròn ký ức còn lại như là một tội ác chống lại loài người như thanh lọc sắc tộc, giết người hàng loạt, chiến tranh xâm lược, khai thác thuộc địa và đàn áp bạo lực. Việc đưa tội ác diệt chủng vào trung tâm cũng chắc chắn giúp người Đức nhiệt tình một cách đặc biệt trong việc phát triển quan niệm này. Tuy nhiên, điều này lại không xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ. Khi Chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ trong các cuộc đàm phán ra nhập EU, cho tới nay vẫn từ chối thừa nhận vai trò của họ trong vụ giết người hàng loạt người Armenia trong Thế chiến thứ nhất như là một “tội ác diệt chủng”. Người Thổ Nhĩ Kỳ sợ rằng khi thừa nhận như vậy họ sẽ bị đánh giá về mặt đạo đức, ảnh hưởng tới niềm tự hào dân tộc của người Thổ Nhĩ Kỳ. Ví dụ này cho thấy, mô hình gìn giữ ký ức qua việc tự kiểm điểm bản thân của người Đức, chưa thực sự dễ dàng và sẵn sàng xảy ra ở các quốc gia khác, thậm chí, có khi còn nguy cơ gây ra sự chia rẽ trong nội bộ châu Âu.

Không chỉ các sự kiện bạo lực bị gắn với tội ác diệt chủng người Do Thái, mà cả *lịch sử di cư* của châu Âu, bởi vì sự trục xuất đã ảnh hưởng tới EU trong việc tự do đi lại và tự do cư trú. Tuy nhiên, các đảng phái cánh hữu ở Áo, Pháp và Hà Lan cho rằng quan niệm này bắt đầu sụp đổ. Họ, theo sau là một lượng lớn người dân, tỏ ra bao dung hơn với những dạng thức di cư. Động cơ chủ yếu của người di cư trong các quốc gia châu Âu là vì mục đích kinh tế, dần chuyển sang mục đích giáo dục, đạo đức.

Ký ức về trại lao động thời kỳ Xôviết lại gây tranh cãi vì nhiều lý do - một phần bởi vì nước Nga hiện nay vẫn chưa tham gia vào quá trình hợp nhất châu Âu. Đặc biệt những thành viên mới của EU, trước

đây thuộc Liên bang Xô viết (các quốc gia Cộng hòa Baltic), hay các quốc gia là một phần của trại lao động (Phần Lan, Cộng hòa Czech, Slovakia, Hungary) gìn giữ ký ức về trại lao động với một thái độ bài nước Nga một cách mạnh mẽ, và dù không trực tiếp, cũng thể hiện mong muốn nhu cầu nâng cấp nền an ninh quốc gia (gia nhập NATO, gia tăng vũ trang ở biên giới phía Đông), như là một hình thức cô lập nước Nga. Trong khi phần nào nhờ việc thừa nhận tội ác diệt chủng người Do Thái, người Đức hòa nhập vào EU dễ dàng hơn, thì quá trình nước Nga hòa nhập lại chưa diễn ra, cho dù tội ác dưới thời Stalin đã được chính thức thừa nhận ở nước Nga ngay từ Đại hội Đảng Cộng sản Liên bang Xôviết lần thứ 20 và hiện tại không có bất kỳ một trở ngại nào ngăn cản nước Nga hội nhập về mặt văn hóa. Việc loại trừ Nga ra khỏi quá trình định hình ký ức châu Âu cũng như là một sự thật lù nghiêm trọng, nguy cơ cách nghĩ “đen và trắng” của cuộc Chiến tranh lạnh quay lại, cũng như nguy cơ xảy ra một cuộc chiến tranh nóng trong cuộc khủng hoảng ở Ucraina cũng phần nào bởi việc thất bại trong việc định hình ký ức này.

Vậy làm thế nào để quá trình định hình ký ức châu Âu được thực hiện theo kinh nghiệm và khoa học? Làm thế nào để phân biệt một phương thức giao tiếp hòa bình, với phương thức giao tiếp xung đột leo thang thù địch? Chủ đề lịch sử nào, và phương thức giao tiếp nào có thể giúp chuyển tải những giá trị con người? Phương thức truyền tải thông tin nào làm tăng định kiến với một quốc gia? Tất cả các câu hỏi này, dẫn tới một câu hỏi tiếp theo là vậy hoạt động báo chí nào phù hợp để có khả năng phát hiện vấn đề lịch sử và gắn kết vào nó vào truyền thông. Mô hình MIH, được miêu tả ở phần sau, là mô hình xây dựng bởi Đại học Viên. Nó gồm 8 cấp độ để kết nối, truyền đạt lịch sử tới công chúng, kể cả từ những đức kết từ kinh nghiệm từ sự thành công trong báo chí. Mô hình này phù hợp để so sánh từng phương thức truyền thông với nhau mà không cần một chuẩn mực so sánh nào. Hơn nữa, mô hình này được áp dụng trong việc so sánh quốc tế, nhằm tìm ra

sự ảnh hưởng của bản sắc dân tộc tới các chủ đề lịch sử, và ngược lại, cũng phù hợp để nghiên cứu sự ảnh hưởng của lịch sử truyền thông lên chất lượng và sự ổn định của bản sắc dân tộc. Sau khi giới thiệu mô hình này, nó sẽ được áp dụng trong việc lĩnh hội một bộ phim tài liệu về tội ác diệt chủng Holocaust (“Night and Fog” (Đêm và Sương mờ), đạo diễn: Alain Resnais, 1955, Lindeperg, 2007) ở Áo, Nga và Israel.

Truyền đạt đa chiều lịch sử - một mô hình chất lượng mang tính báo chí

Mô hình “Truyền đạt đa chiều lịch sử” (MIH) được chia bởi một phần dựa trên cấu trúc và quá trình. Mô hình dựa trên cấu trúc nói tới các *cấp độ xử lý thông tin* thông qua việc tiếp nhận nội dung truyền thông (ví dụ như các kiến thức lịch sử, sự giải thích lịch sử, định hình bản sắc, các bài học lịch sử, và các định hướng giá trị nhân văn) được gắn kết bởi các ảnh hưởng của truyền thông trong việc tiếp nhận đầu ra. Mô hình dựa trên quá trình đề cập tới *các bước xử lý thông tin* bắt đầu với một ấn tượng đầu tiên, từ đó hình thành nên một chất lượng nhất định đối với đối tượng tiếp nhận.

MIH cho thấy các cấp độ xử lý thông tin trong quá khứ và hiện tại. Bốn cấp độ đầu tiên tập trung vào các sự kiện trong quá khứ, các hoạt động nhận thức như là có ý thức và được xem như là trí nhớ “rõ ràng”. Trong bối cảnh truyền đạt lịch sử này, bao gồm các lễ kỷ niệm có ý thức về các sự kiện lịch sử về xã hội. Trí nhớ “ẩn dụ” (Schacter, 1987; Addis, Wong & Schacter, 2007; Vos & Paller, 2008), nhấn mạnh việc chúng ta làm việc đó ở hiện tại, mà không cần nhớ lại sự việc đó trong quá khứ (cấp độ 5 tới 8). Nếu chúng ta đã học chơi piano hồi còn trẻ, thì hiện tại không nhất thiết chúng ta phải nhớ lại quy trình chơi piano nữa, bởi chúng ta có thể sử dụng những kiến thức được lưu trữ lại trong bộ nhớ để chơi piano. Cũng tương tự như vậy, lịch sử của một quốc gia là khách quan, thể hiện trong các quan điểm và mục đích chính trị hiện tại. Nó không cần thiết gọi lại những trải nghiệm chiến tranh đau thương để hình thành nên một vấn đề chính trị

hướng tới hòa bình. Mô hình MIH cho thấy cách thức một trí nhớ rõ ràng (ký ức về tội ác diệt chủng Holocaust) và cách sử dụng trí nhớ ẩn dụ vào trong các quan điểm hiện tại cũng như liên hệ tới định hướng giá trị nhân đạo hiện tại.

Kết cấu mô hình MIH: truyền đạt đa chiều lịch sử

<p>1. Xử lý liên quan tới quá khứ:</p> <p>1) Truyền tải kiến thức thực</p> <p>2) Chọn lọc/điển giải các thông điệp</p> <p>3) Biến đổi các mô hình giải thích</p> <p>4) Định hình sự nhận thức lịch sử</p> <p>a) Chủ động tìm kiếm thông tin</p> <p>b) Trừu tượng hóa các hình ảnh lịch sử</p> <p>c) Hình thành nhận diện lịch sử</p>	<p>Trí nhớ rõ ràng</p>
<p>2. Xử lý liên quan tới hiện tại:</p> <p>5) Điều chỉnh nhận thức</p> <p>6) Hình thành các quan điểm chính trị</p> <p>7) Hình thành thế giới quan</p> <p>8) Phổ biến tính nhân văn</p> <p>a) Giảm thiểu định kiến</p> <p>b) Kiểm chế sự tức giận</p> <p>c) Các kỹ năng cộng đồng</p> <p>d) Nhân đạo trong chính trị</p>	<p>Trí nhớ ẩn dụ</p>

Theo Grimm (2012)

Chúng tôi cho rằng chuyển giao kiến thức (cấp độ 1) diễn ra từ phía người tiếp nhận như là một sự lựa chọn “sự thật” từ truyền thông, và ảnh hưởng tới việc giải thích các sự kiện lịch sử ở cấp độ 2 (chọn lọc/điển giải thông điệp) và ở cấp độ 3 (biến đổi các mô hình giải thích). Ngoài ra, những kiến thức thực do truyền thông đưa ra kích thích sự hình thành của nhận thức lịch sử (cấp độ 4) thông qua việc kích hoạt sự quan tâm hơn nữa thông tin về một chủ thể lịch sử tương

ứng đồng thời cũng lại khuyến khích có một cái nhìn tổng quát nói chung về lịch sử. (Lịch sử nói chung là gì? Ý nghĩa của từng sự kiện lịch sử là gì?) Ở ngưỡng phân biệt lịch sử giữa quá khứ và hiện tại, các cấp độ 1 đến 4 ảnh hưởng tới việc giải thích lịch sử ở hiện tại, chỉ rõ ở cấp độ 5 (điều chỉnh nhận thức) và cấp độ 6 (quan điểm chính trị) kết nối với quá khứ. Việc tập trung vào thay đổi nhận thức tập thể cũng như hình thành quan điểm chính trị về mặt lý thuyết được giải thích bởi thực tế ký ức tập thể và nhận thức xã hội bị tác động bởi những nguy hiểm do một người hay một thể hệ trước đó phải trải qua.

Hình thành thế giới quan (Schutz & Luckmann, 1973, 1983; Bakardjieva, 2005) của lịch sử (cấp độ 7) đánh dấu một trường hợp đặc biệt trong mô hình MIH. Việc tái hình thành những câu hỏi liên quan tới tập thể trong quá khứ đánh dấu điểm khởi đầu của tất cả những tài liệu tham khảo về lịch sử.

Truyền thông về tội ác diệt chủng người Do Thái Holocaust ở Áo, Nga và Israel.

Việc hình ảnh hóa lịch sử truyền thông bao gồm một lượng lớn những hình ảnh đáng kinh sợ về chiến tranh, thảm họa và sự chịu đựng. Những bức ảnh đáng kinh sợ trong bối cảnh lịch sử có thể có những tác động mâu thuẫn nhau:

- Vừa giác ngộ, lại vừa gây ra những chấn thương;
- Tập trung cao hơn, và quá trình xử lý thông tin sâu hơn, lại vừa gây ra sự ác cảm với những nội dung tương tự;
- Truyền tải được giá trị con người, lại vừa phi nhân hóa kẻ thù.

Vì vậy, câu hỏi đặt ra, là sử dụng cách gì để nhấn mạnh những bức ảnh về nạn Holocaust, phải làm sao vừa giác ngộ thông tin, lại vừa mang hiệu quả nhân văn, mà không gây ra những gánh nặng quá sức cho chính đối tượng tiếp nhận. Một công cụ quan trọng để phá vỡ khoảng cách quá khứ và hiện tại liên quan tới các sự kiện lịch sử, đó là sử dụng các nhân chứng lịch sử như là những người trung gian chuyển tải những bức ảnh đáng sợ về chế độ phát xít.

Các câu hỏi nghiên cứu liên quan tới bộ phim tài liệu về Holocaust "Night and Fog" (Đêm và Sương) đó là:

- Những người Áo và Đức, những người chứng kiến ở các quốc gia khác có cảm nhận tiêu cực như thế nào khi đối mặt với những bức hình đáng sợ trong bộ phim? Những nhân chứng lịch sử đó có thể giúp đỡ để giảm thiểu những căng thẳng về mặt cảm xúc hay không?

- Làm thế nào những bức ảnh đó ảnh hưởng tới người tiếp nhận và làm nhiệm vụ chuyển tải thông tin thành công? Hậu quả của việc tiếp nhận thông tin là gì nếu đưa những nhân chứng lịch sử đó tham gia vào?

- Có sự khác biệt nào trong việc tiếp nhận thông tin với những ảnh hưởng nếu như nhân chứng trước kia lại là nạn nhân hay là thủ phạm của chế độ phát xít?

Những hình ảnh trong "Night and Fog", các nhân chứng lịch sử



Hình thành ấn tượng và tham gia tiếp nhận.

Những người tham gia đánh giá bộ phim tài liệu Holocaust mang tính thực tiễn cao, đáng sợ, bi kịch và giàu tình cảm. Điều này đúng với những người Đức và Áo, cũng như người Nga và Israel (Grimm và Grill, 2013a. 2013b). Sự căng thẳng về mặt cảm xúc lên cao trào

nhất với những người Israel, và thấp nhất với người Nga. Việc chứng kiến lịch sử thường giảm cảm giác căng thẳng của người tiếp nhận. Chứng kiến lịch sử lại tăng cảm xúc với các sự kiện mang tính lịch sử có gắn liền với người tiếp nhận. Có ngoại lệ với việc chứng kiến lịch sử trong vai trò là nạn nhân, đặc biệt là người Israel.

Khi xem chương trình, người Israel không những mất tinh thần nhiều hơn những người đến từ quốc gia khác, mà còn tăng cao so với những nhân chứng lịch sử. Chúng ta không được quên rằng, rất nhiều người tham gia đã phải chịu đựng sự mất mát người thân trong nạn Holocaust, vì vậy quá trình đánh giá, so sánh ở những đối tượng sống sót sau nạn Holocaust thậm chí còn làm cho bản thân họ đau đớn hơn.

Điều này đặt ra những giới hạn khi giới thiệu các chủ đề liên quan tới lịch sử, khi những người xem cảm thấy quá bị kích động. Đáng kinh ngạc là chất lượng thông tin được đánh giá cao hơn bởi nhóm nhân chứng lịch sử, hơn là những người không chứng kiến lịch sử. Kết luận, chúng ta có thể nói: Các nhân chứng lịch sử có thể giảm áp lực và tăng chất lượng tiếp nhận thông tin.

Các giới hạn chuyển đổi tính nhân văn

Các chỉ số MIH trong việc truyền đạt tính nhân văn (giảm các định kiến, kiểm soát sự xâm lược và sẵn sàng thỏa hiệp trong các tình huống xung đột, cũng như gia tăng kỹ năng giao tiếp và tính nhân văn) thu nhận được khác nhau giữa các quốc gia khác nhau.

Với người Đức và người Áo, chúng tôi phát hiện ra có sự giảm về định kiến sau khi xem Holocaust (đặc biệt những định kiến về người Do Thái và người lạ nói chung). Cùng lúc đó, sự xâm lược cũng giảm theo, việc kiểm soát sự xâm lược cũng như tính sẵn sàng thỏa hiệp trong các tình huống xung đột lại tăng lên. Kỹ năng giao tiếp và chính trị lại không tăng. Ngược lại, tính sẵn sàng ăn mừng với các dân tộc khác lại giảm. Sẵn sàng hỗ trợ người nghèo, người cần giúp đỡ lại tăng lên, tuy nhiên tính sẵn sàng đấu tranh cho quyền con người lại giảm sau khi xem các bức ảnh đáng kinh sợ trong bộ phim Holocaust.

Người Israel cũng giảm tính định kiến sau khi xem bộ phim Holocaust, cả về mặt bình đẳng giới và bài Do Thái. Việc giảm định kiến về giới cũng được ghi nhận ở các dân tộc khác. Có thể lý do là tác dụng khi mọi người phải đối mặt với những hình ảnh cơ thể bị tra tấn trong các trại tập trung. Từ đó, người tiếp nhận mới chủ động tự giác nhận ra bản năng muốn xóa bỏ định kiến về giới so với trước khi xem phim.

Cũng tương tự người Đức và Áo, người Israel sau khi xem “Night và Fog” không tăng thêm khả năng giao tiếp. Những con cháu của nạn nhân Holocaust thích chia sẻ trong nhóm của họ, hơn là với người lạ. Trái ngược với những người con cháu của nạn nhân, những người xem Israel cảm thấy có nghĩa vụ trở nên gắn kết với kỹ năng chính trị.

Ngược lại người Đức, người Áo và Israel, người Nga đều sẵn sàng chiến đấu vì mục đích chính trị sau khi xem xong bộ phim. Trong trường hợp này, những bức hình đáng sợ giống như một tiếng gọi đấu tranh chống lại bất bình đẳng quốc tế. Cũng ở Nga, kỹ năng giao tiếp cũng không tăng. Những bức hình gây sốc và tội phạm dường như phổ quát trên hầu hết các quốc gia và trong cảm xúc của mỗi người. Xu hướng chung của việc tiếp nhận Holocaust đó là nâng cao tính sẵn sàng thỏa hiệp cũng như có sự suy giảm trong nổi bực tức, xâm chiếm, và sẵn sàng đấu tranh. Từ đó, những người Nga thu nhận Holocaust dường như hòa nhập tốt vào dòng chảy của châu Âu trong việc kiểm soát các cuộc xung đột.

Mở rộng bản sắc dân tộc

Bản sắc dân tộc được hình thành thông qua giao tiếp (Wodak et al. 2009) và đặc biệt được quyết định bởi truyền thông. Theo khái niệm DNI (Grimme et al, 2012) nó bao gồm 3 mặt: a) Sự gắn kết quốc gia và con người ở đó (bằng chủ nghĩa yêu nước là cơ bản trong bản sắc dân tộc), b) Việc giới hạn quốc gia các triển vọng của các nhóm người, chính sách ngăn chặn, và trong nhiều trường hợp, phải được sự đồng ý của lực lượng quân đội (chủ nghĩa yêu nước), c) Một thành

phản phản xạ, gồm tự phê bình, hiểu biết các quốc gia khác.

Thật khó nhận ra việc tiếp nhận bộ phim Holocaust đã có ảnh hưởng nào tới việc hình thành nhận dạng của người Đức và Áo cũng như người Israel và Nga. Những ảnh hưởng khác được phản ánh trong các cách Holocaust kết nối với những trải nghiệm lịch sử của mỗi người, từ đó hình thành và tái cập nhật nhận dạng quốc gia.

Kết luận

Mô hình MIH đã chứng minh giá trị của nó trong việc phân tích văn minh ký ức của châu Âu. Trong việc so sánh các nền truyền thông khác nhau cũng như ở các quốc gia khác nhau, đã có những phát biểu thú vị về quá trình tiếp nhận thông tin cũng như về việc chuyển giao giá trị nhân văn khác nhau. Sử dụng bộ phim Holocaust "Night and Fog" vào trong nghiên cứu, chúng tôi chỉ ra rằng những nhân chứng lịch sử trong vai trò "nạn nhân" hay "thủ phạm" đóng vai trò rất quan trọng trong việc hình thành lịch sử, đặc biệt khi đối mặt với những trải nghiệm lịch sử đau thương. Các nhân chứng lịch sử bị tác động làm giảm căng thẳng và làm người trẻ dễ dàng hơn thành lập các mối quan hệ giữa quá khứ với thế giới hiện tại họ đang sống. Trong các tình huống riêng biệt, việc đối mặt với những hình ảnh lịch sử đáng kinh sợ như trong phim Holocaust cũng có thể tạo ra những hiệu ứng và lôi kéo người trẻ vào trong câu chuyện.

Những phát hiện chính của nghiên cứu gồm:

Việc chuyển giao tính nhân văn nói chung đã có xảy ra:

- a) Giảm định kiến về người nước ngoài;
- b) Giảm thái độ phản ứng hung hăng;
- c) Định hình hành vi kiểm soát xung đột.

Việc chuyển giao tính nhân văn xảy ra chọn lọc ở:

- a) Định hình tính chính trị chỉ xảy ra với người Nga;
- b) Tăng cường chủ nghĩa thế giới ở Israel và Nga, nhưng không ở Áo và Đức.

Việc chuyển giao tính nhân văn không xảy ra ở:

- a) Khả năng giao tiếp liên văn hóa;
- b) Trách nhiệm đạo đức toàn cầu.

Tổng kết, những kết quả trên cho thấy những ký ức Holocaust có giá trị củng cố văn minh và các giá trị nhân đạo. Những giới hạn trong việc chuyển biến tính nhân văn vừa mang tính tình cảm, lại vừa mang tính đạo đức, mà có thể được kiểm soát bởi những thiết bị thiết kế báo chí phù hợp. Điều này đúng với tất cả các quốc gia tham gia nghiên cứu.

Sự giống nhau cơ bản giữa Đức, Áo, Nga và Israel thật đáng kinh ngạc, nếu bạn nhìn vào sự khác biệt giữa những thế hệ sau của "nạn nhân" và "thủ phạm". Hiệu quả xuyên quốc gia của việc định hình ký ức từ Holocaust cũng như mở rộng các bản sắc dân tộc mở ra những cơ hội mới cho hòa bình khu vực, đặc biệt nếu các quốc gia châu Âu sẵn sàng đẩy mạnh việc chia sẻ lịch sử giữa các quốc gia.

Quan điểm

Chúng tôi thấy có thể áp dụng mô hình MIH vào trong những nghiên cứu định tính quốc tế, ví như cuộc chiến tranh chống Mỹ ở Việt Nam: a) Cộng đồng người Việt Nam ở Viên so sánh với những người địa phương ở Viên, b) Người Việt Nam so sánh với người châu Âu, c) Những người châu Âu so sánh với những người Mỹ. Ngoài ra các cuộc xung đột giữa Israel và Palestin có thể sẽ được tạo điều kiện để chia sẻ nguồn gốc, quan niệm về Hồi giáo và Thiên Chúa giáo. Cuối cùng, người ta có thể phân tích những cơ chế tiếp nhận của "Chiến tranh lạnh" giữa Mỹ và Nga, bao gồm cả những so sánh nhỏ hơn ở cấp độ người Đông Âu và Tây Âu. Việc liên kết lịch sử quốc gia ngày nay là một nhu cầu trong toàn cầu hóa, nó ảnh hưởng tới sự ổn định của một quốc gia. Chỉ khi bạn có khả năng liên hệ bản sắc dân tộc của bạn với những người, quốc gia khác, bạn mới có thể hưởng lợi từ việc đó, đồng thời lại cũng là hình thức bảo vệ, gìn giữ đặc trưng cụ thể của quốc gia bạn. Những kết luận về báo chí và các vấn đề liên quan tới lịch sử hiện nay vẫn chưa có.

Tài liệu tham khảo

1. Addis, D. R.; Wong, A. T.; & Schacter, D. L.: *Hồi tưởng quá khứ và liên tưởng đến tương lai: Những cơ chế phổ biến và khác biệt trong suốt quá trình thực thi và xây dựng sự kiện*, *Neuropsychologia*, 45, 7, 1363-1377, 2007.
2. Anderson, B.: *Cộng đồng sáng tạo - Những phản ánh về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc*, Revised Edition (first published 1983). London, New York: Verso, 2006.
3. Bakardjieva, M.: *Xã hội thông tin Internet trong cuộc sống hàng ngày*, Los Angeles: Sage, 2005.
4. Castells, M.: *Kỷ nguyên thông tin: Kinh tế, xã hội và văn hóa. Quyển 1: Tăng cường xã hội thông tin, tái bản lần 2*. (Tái bản lần đầu năm 1996). Oxford, Malden Massachusetts, Nxb. Blackwell, 2000.
5. Castells, M.: *Cộng đồng mạng Internet - Những nội dung phản ánh trên mạng Internet, trong lĩnh vực kinh doanh và xã hội*, Ấn phẩm của Đại học Oxford, 2001.
6. Clark, Ch.: *Người mộng du - Châu Âu đã vượt qua cuộc chiến năm 1914 như thế nào*, London: Allen Lane, 2012.
7. Elias, N.: *Quá trình truyền bá văn minh*, Malden, MA, Oxford, Nxb. Blackwell, 2000.
8. Fahrenberg, J., Hampel, R., Selg, H.: *Das Freiburger Persönlichkeitsinventar: FPI; revidierte Fassung FPI-R und teilweise geänderte Fassung FPI-A1*. Göttingen: Hogrefe, 1994, [The Freiburg Personality Inventory: FPI, revised and slightly altered edition]
9. Gavriely-Nuri, D.; Lachover, E.: *Tái định hình quá khứ như một bộ nhớ tổng thể*, *Obituaries in the Israeli Daily Haaretz*. In: *Lý thuyết truyền thông*, (February), 48-65, 22-1-2012.
10. Grimm, J.: *Multidimensionale Geschichtsvermittlung. Ein theoretisch-methodisches Konzept zur Untersuchung von Medienwirkungen auf der Basis mediatisierter historischer Stoffe (Đa chiều thông tin của lịch sử. Khái niệm lý thuyết và phương pháp về*

các ảnh hưởng của báo chí trên cơ sở các chủ đề lịch sử - Đức). *Medien & Zeit*, 30-54, 27-3-2012.

11. Grimm, J.; Grill, Ch.: *Tiếp nhận Holocaust và bản sắc dân tộc. Kết quả của một nghiên cứu các ảnh hưởng của báo chí ở Nga, phát triển kinh tế xã hội*, Hội thảo mùa Xuân 2013, Moscow.
12. Grimm, J.; Grill, Ch.: *Các hình ảnh đáng sợ và định hình ký ức. Hiệu ứng dễ tiếp thu và có sức thuyết phục của một tài liệu Holocaust ở Áo*, bài báo Hội thảo thường niên IAMCR, năm 2013 "Khủng hoảng và phá hủy sự sáng tạo" *the Global Power and Communication Orders*", accepted for the section: History, Dublin, 25-29 June.
13. Grimm, J., Schmidt, P., Seethaler, J.: *Những định kiến và bản sắc dân tộc. Kết quả khảo sát Panel về sự ảnh hưởng của báo chí tới các quan niệm về bản sắc và thái độ*, Báo Khoa học xã hội "Bản sắc - Đa dạng - Hội nhập", Vienna 12-1-2011.
13. Hare, W.: *Sự cởi mở theo kiểu Socrat*. *Paideusis*, 18, 1, 5-16, 2009.
14. Higgins, C.: *Sự cởi mở theo ba chiều Open-mindedness in three dimensions*. *Paideusis*, 18, 1, 44-59, 2009.
15. Hobsbawm, E. J.: *Dân tộc và Chủ nghĩa dân tộc từ năm 1780. Chương trình, huyền thoại và thực tiễn*, Nxb. Đại học Cambridge - Cambridge, New York, Melbourne, 1990.
16. Leggewie, C.: *Der Kampf um die europäische Erinnerung. Ein Schlachtfeld wird besichtigt (Trận chiến cho ký ức châu Âu. Một trận chiến đã được kiểm tra)*, Munich, Germany: C.H. Beck, 2011.
16. Levy, D.; Sznajder, N.: *Memory unbound: Holocaust và sự hình thành của ký ức quốc tế*, Tạp chí *Lý thuyết xã hội châu Âu*, 5/1, 87-106, 2002.
17. Levy, D.; Sznajder, N.: *Holocaust và ký ức trong kỷ nguyên toàn cầu*, Philadelphia, PA: Temple University Press, 2006.
18. Lindeperg, S.: *Đêm và sương mù - một bộ phim trong lịch sử*,

Paris: Odile Jacob, 2007.

19. Nussbaum, M. C.: *Kant và chủ nghĩa quốc tế*, In: Bohman, J., & Lutz-Bachmann, B., *Perpetual peace. Các bài luận về lý tưởng quốc tế của Kant*, Cambridge, Mass., London: MIT Press, 25-57, 1997.

20. Nussbaum, M. C.: *Sự tốt lành mong manh. May mắn và các chuẩn tắc đạo đức trong bi kịch và triết học Hy Lạp*. Cambridge, London, New York: Cambridge University Press, 2001.

21. Schacter, D. L.: *Bộ nhớ tiềm ẩn: Lịch sử và hiện trạng*, Tạp chí *Tâm lý học Thực nghiệm*, 13/3, 501-518, 1987.

22. Schutz, A., & Luckmann, T.: *Cấu trúc đời sống*, Quyển 1. Evanston, Illinois: Northwestern University Press, 1973.

23. Schutz, A., & Luckmann, T.: *Cấu trúc đời sống*, Quyển II. Evanston, Illinois: Northwestern University Press, 1983.

24. Smith, Anthony D.: *Bản sắc dân tộc*, Reno, Las Vegas: University of Nevada Press, 1991.

25. Snyder, T.: *Bloodlands châu Âu giữa Hitle và Stalin*, Sách cơ bản - Philadelphia, PA, 2010.

26. Voss, J. L., & Paller, K.A.: *Trí nhớ tiềm ẩn và rõ ràng của não bộ. Tầm quan trọng của các tín hiệu nơ-ron thần kinh cần thiết xảy ra đồng thời của hai loại trí nhớ*, Brain substrates of implicit and explicit memory: *Neuropsychologia*, 46, 13, 3021-3029, 2008.

27. White, H.: *Metahistory. Sự liên tưởng mang tính lịch sử trong châu Âu thế kỷ XIX*, Baltimore, London: The John Hopkins University Press, 1973.

28. Wodak, R.; de Cillia, R.; Reisigl, M.; Liebhart, K.: *Ngôn từ của bản sắc dân tộc*, tái bản lần 2 (tái bản lần 1 bằng tiếng Anh năm 1999), Edinburgh: University Press, 2009.

29. Zick, A., Wolf, C.; Küpper, B.; Davidov, E.; Schmidt, P.; Heitmeyer, W.: *Hội chứng mâu thuẫn lợi ích nhóm: Mối tương quan của các định kiến được kiểm chứng đa dữ liệu*, báo *Các vấn đề xã hội*, 64/2, 363-383, 2008.

SỨC MẠNH CỦA BÁO CHÍ TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ THỜI KỲ TOÀN CẦU HÓA

PGS, TS Phạm Minh Sơn*

Toàn cầu hóa đang ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ của đến mọi mặt của đời sống quốc tế. Trong thời kỳ toàn cầu hóa, với sự tham gia của nhiều nhân tố mới, nhất là sự lớn mạnh của báo chí, nhiều mối quan hệ mới đã nảy sinh và phát triển, quan hệ quốc tế do vậy trở nên phức tạp hơn bao giờ hết. Báo chí đang tác động cả tích cực lẫn tiêu cực đến đời sống quốc tế và làm nảy sinh nhiều vấn đề mới đòi hỏi phải sớm được giải quyết. Bài viết này sẽ đề cập đến những thay đổi trong quan hệ quốc tế thời kỳ toàn cầu hóa, sức mạnh của báo chí trong quan hệ quốc tế và một số vấn đề đặt ra.

1. Quan hệ quốc tế trong thời kỳ toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa thường được hiểu là sự gia tăng hội nhập của các nền kinh tế trên thế giới, đặc biệt là thông qua thương mại và các nguồn tài chính nhờ sự tiến bộ của khoa học và công nghệ. Trong quan hệ quốc tế, toàn cầu hóa chủ yếu được xem xét, phân tích từ góc độ các chủ thể quan hệ quốc tế, biểu hiện qua việc gia tăng, đan xen các mối quan hệ, trao đổi giữa các quốc gia, tổ chức hay các cá nhân trong tất cả các lĩnh vực trên quy mô toàn cầu.

Toàn cầu hóa, một mặt, làm tăng khả năng liên kết các quốc gia, các tổ chức và cá nhân trên thế giới, mặt khác, đang thách thức vai trò, chức năng của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Trong thời kỳ toàn cầu hóa, ranh giới giữa các quốc gia, giữa các nền văn hóa trở nên mờ

* Trưởng khoa Quan hệ quốc tế, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Hội Nhà báo Việt Nam
Vietnam Journalists' Association
Báo Nhân Dân
Nhan Dan Newspaper

Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Academy of Journalism and Communication
Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ninh
Quang Ninh Radio and Television Station

Đại học Tổng hợp Viên
University of Vienna

KỶ YẾU - PROCEEDINGS

Hội thảo khoa học quốc tế

**“BÁO CHÍ TRONG QUÁ TRÌNH TOÀN CẦU HÓA:
CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG”**

International Scientific Conference

**“JOURNALISM IN GLOBALIZATION:
CHANCES, CHALLENGES AND PERSPECTIVES”**

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
THE PUBLISHING HOUSE OF POLITICAL THEORY

2014